

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT  
SINH VIÊN CLC THEO PHƯƠNG PHÁP  
DẠY HỌC KẾT HỢP (BLENDED  
LEARNING) HKI/NH 2020-2021**

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2021*

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHẢO SÁT

## 1. Mục đích khảo sát

Khảo sát được thực hiện nhằm mục đích ghi nhận những ý kiến đánh giá của sinh viên CLC về chất lượng giảng dạy theo hình thức blended learning, qua đó giúp:

- Nhà trường đánh giá chất lượng dạy – học theo hình thức kết hợp đối với GV, SV và điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của Trường.
- Giảng viên (GV) điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy cho phù hợp với hình thức mới.
- Tạo điều kiện giúp người học có kênh thông tin để đóng góp, phản ánh về hoạt động giảng dạy của GV;
- Giúp GV, SV có cơ hội tiếp cận với nhiều hình thức và phương pháp dạy – học hiện đại, phù hợp với bối cảnh và xu thế chung.
- Là cơ sở để Cán bộ quản lý cấp Trường, Khoa/Bộ môn có căn cứ đánh giá và xây dựng các kế hoạch đào tạo, giảng dạy .

## 2. Quá trình khảo sát

### 2.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

SV các lớp CLC có đăng ký học môn Nhập môn lập trình.

### 2.2. Hình thức

Khảo sát online tại [www.survey.uit.edu.vn](http://www.survey.uit.edu.vn)

### 2.3. Thời gian thực hiện

- Thời gian khảo sát: 04/01/2021 – 28/02/2021
- Xử lý số liệu và tách dữ liệu: 01/03/2021 – 25/03/2021
- Viết báo cáo: 26/03/2021 – 15/04/2021

### 2.4. Công cụ khảo sát

Phiếu khảo sát gồm 7 câu hỏi gắn với các nội dung về thông tin môn học, đề cương môn học, giáo trình, phương pháp, hình thức giảng dạy của GV và mức độ hài lòng của SV với hình thức Blended learning đang được áp dụng qua môn học.

Các câu hỏi trong phiếu khảo sát được xây dựng trên thang đo Likert với 5 mức độ:

- |   |        |
|---|--------|
| - <i>Mức 1:</i> Hoàn toàn không đồng ý/ Hoàn toàn không hữu ích | 1 điểm |
| - <i>Mức 2:</i> Không đồng ý/ Ít hữu ích                        | 2 điểm |
| - <i>Mức 3:</i> Bình thường/ Vừa phải                           | 3 điểm |
| - <i>Mức 4:</i> Đồng ý/ Hữu ích                                 | 4 điểm |
| - <i>Mức 5:</i> Rất đồng ý/ Rất hữu ích                         | 5 điểm |

# II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

## 2.1. Số lượng SV tham gia khảo sát

Phòng TTPC-ĐBCL phối hợp với Phòng ĐTDH, Phòng DLCNTT và Quý Thầy/Cô phụ trách các lớp học để thu thập ý kiến của các bạn SV về phương pháp Blended learning. Kết quả thu được có 476/889 SV tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 54,6%.

| TT | Tên GV                               | Mã lớp         | Số lượng SV đăng ký | Số lượng SV phản hồi | Tỉ lệ (%) |
|----|--------------------------------------|----------------|---------------------|----------------------|-----------|
| 1  | Mai Tiến Dũng, Phạm Nguyễn Trường An | IT001.L11.ANTN | 19                  | 19                   | 100       |
| 2  | Nguyễn Bích Vân                      | IT001.L11.ATCL | 43                  | 16                   | 37,2      |
| 3  | Mai Tiến Dũng                        | IT001.L11.CNCL | 47                  | 30                   | 63,8      |
| 4  | Đỗ Văn Tiến                          | IT001.L11.HTCL | 45                  | 22                   | 48,9      |
| 5  | Huỳnh Thị Thanh Thương               | IT001.L11.KHCL | 40                  | 25                   | 62,5      |
| 6  | Lê Đình Duy, Nguyễn Thanh Sơn        | IT001.L11.KHTN | 25                  | 14                   | 56        |
| 7  | Huỳnh Thị Thanh Thương               | IT001.L11.MMCL | 45                  | 37                   | 82,2      |
| 8  | Nguyễn Bích Vân                      | IT001.L11.MTCL | 42                  | 22                   | 52,4      |
| 9  | Trịnh Quốc Sơn                       | IT001.L11.PMCL | 37                  | 13                   | 35,1      |
| 10 | Nguyễn Thị Ngọc Diễm                 | IT001.L11.TMCL | 28                  | 16                   | 57,1      |
| 11 | Nguyễn Thị Ngọc Diễm                 | IT001.L12.ATCL | 47                  | 21                   | 44,7      |
| 12 | Nguyễn Thanh Sơn                     | IT001.L12.CNCL | 46                  | 13                   | 28,3      |
| 13 | Huỳnh Thị Thanh Thương               | IT001.L12.HTCL | 39                  | 12                   | 30,8      |
| 14 | Huỳnh Thị Thanh Thương               | IT001.L12.KHCL | 42                  | 21                   | 50        |
| 15 | Cáp Phạm Đình Thăng                  | IT001.L12.MMCL | 46                  | 45                   | 97,8      |
| 16 | Nguyễn Bích Vân                      | IT001.L12.MTCL | 41                  | 19                   | 46,3      |
| 17 | Nguyễn Thị Quý                       | IT001.L12.PMCL | 41                  | 21                   | 51,2      |
| 18 | Huỳnh Thị Thanh Thương               | IT001.L12.TMCL | 45                  | 29                   | 64,4      |
| 19 | Nguyễn Bích Vân                      | IT001.L13.CNCL | 48                  | 12                   | 25        |
| 20 | Nguyễn Thị Quý                       | IT001.L13.KHCL | 42                  | 23                   | 54,8      |

|             |                        |                |            |            |             |
|-------------|------------------------|----------------|------------|------------|-------------|
| 21          | Huỳnh Thị Thanh Thương | IT001.L13.MTCL | 40         | 20         | 50          |
| 22          | Huỳnh Thị Thanh Thương | IT001.L13.PMCL | 41         | 26         | 63,4        |
| <b>Tổng</b> |                        |                | <b>889</b> | <b>476</b> | <b>54,6</b> |

Bảng 1. Số lượng SV tham gia khảo sát môn học

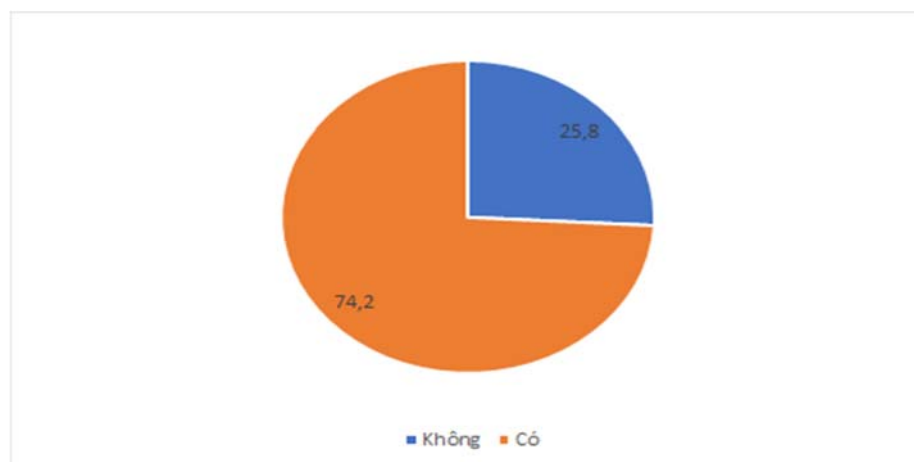
Số lượng SV tham gia khảo sát trên tổng số SV đăng ký đạt tỉ lệ ở mức trung bình, đảm bảo ý nghĩa về mặt thống kê. Trong đó, cao nhất là sự tham gia của SV ở hai lớp IT001.L11.ANTN và IT001.L12.MMCL, chiếm tỉ lệ từ 97,8% - 100%; thấp nhất là lớp IT001.L13.CNCL với tỉ lệ tham gia là 25%.

## 2.2. Kết quả

### 2.2.1 Thông tin về phương pháp Blended learning đến với người học

Blended Learning là phương pháp kết hợp giảng dạy truyền thống và E-learning được áp dụng rộng rãi trong giáo dục đại học; một số tác giả gọi nó là “mô hình truyền thống mới” (Ross và Gage 2006) hoặc “bình thường mới” trong việc phân phối các khóa học (Norberg và cộng sự 2011). Học tập kết hợp buộc chúng ta phải xem xét các đặc điểm của công nghệ kỹ thuật số nói chung và công nghệ truyền thông thông tin (ICTs), cụ thể hơn.

Chính vì vậy, việc quan trọng đầu tiên là SV cần phải nhận được các thông tin đầy đủ về một phương pháp/mô hình học tập mới để các bạn có thời gian tìm hiểu và chủ động hơn trong học tập. Do vậy, phiếu khảo sát đã thu thập ý kiến phản hồi của SV về việc các bạn SV có nhận được hướng dẫn và giới thiệu của GV phụ trách môn học về Phương pháp này trong buổi học, kết quả được thể hiện như sau:

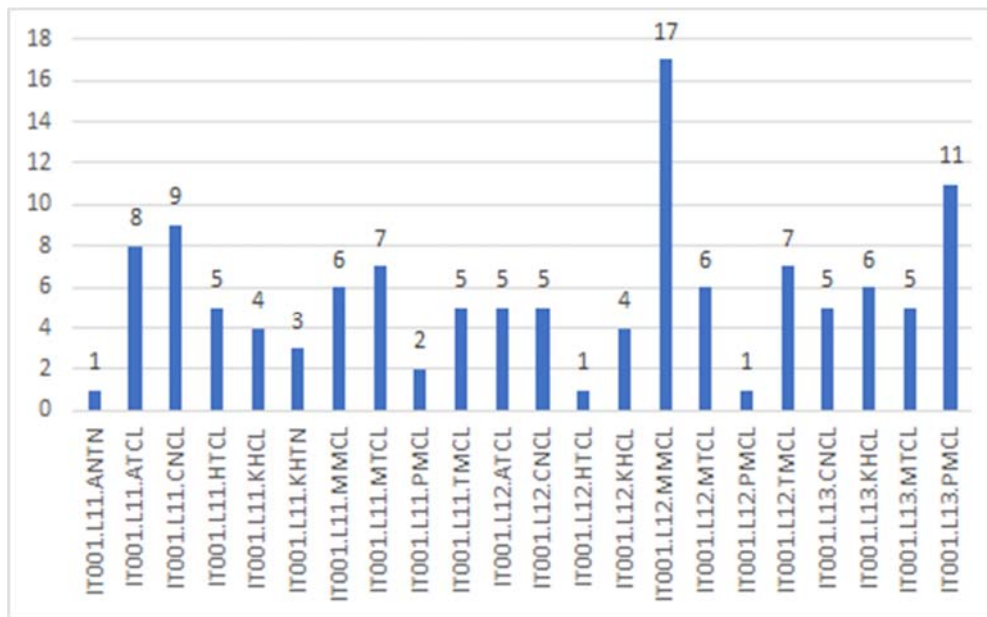


Biểu đồ 1. Tỷ lệ đồng ý của SV (%)

Biểu đồ 1 cho thấy đa số SV đều đồng ý được GV cung cấp thông tin và hướng dẫn về phương pháp Blended learning (tỉ lệ 74,2%) đối với các môn học. Đồng thời, có gần

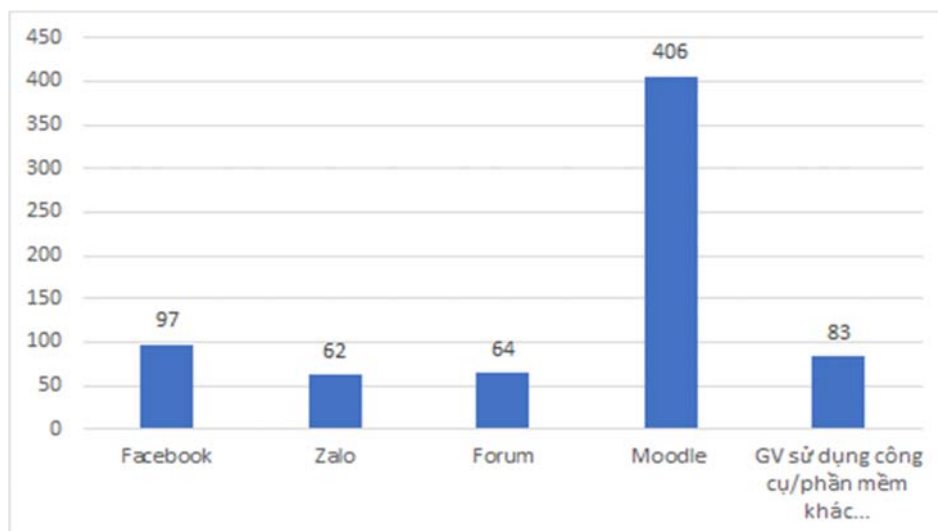
30% SV cho rằng chưa được cung cấp thông tin hoặc chưa nhận được các hướng dẫn về phương pháp Blended learning trong buổi học đầu tiên.

Phân tích chi tiết về phản hồi của 25.8% SV này cho thấy ý kiến đánh giá được phủ rộng ở tất cả các môn học mà không tập trung vào một môn học cụ thể (biểu đồ 2). Do vậy có thể tạm thời kết luận SV vì các lý do chủ quan hoặc khách quan (*không tham dự lớp học đầy đủ hoặc không tập trung*) dẫn đến việc chưa được lắng nghe các thông tin liên quan về môn học và phương pháp học Blended learning. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị Quý Thầy/Cô nên chú ý nhắc nhở và hướng dẫn sinh viên vì đây là hình thức học tập còn khá mới; đặc biệt Quý Thầy/Cô giảng dạy tại các lớp IT001.L12.MMCL (17/45), IT001.L13.PMCL (11/26) SV nêu ý kiến không được cung cấp thông tin.



Biểu đồ 2. Thống kê số lượng SV không được thông tin giới thiệu về phương pháp Blended learning ở các lớp

### 2.2.2. Các công cụ/phần mềm được GV sử dụng để tương tác trong quá trình học tập



Biểu đồ 3. Các công cụ/phần mềm được GV sử dụng (ĐVT: lượt)

Kết quả cho thấy GV sử dụng chủ yếu Moodle của Nhà trường làm kênh tương tác chủ yếu với SV trong quá trình triển khai dạy – học theo phương pháp Blended learning. Theo quy định của Nhà trường, tất cả GV phải sử dụng Moodle của Nhà trường trong quá trình dạy học; đồng thời có sự linh hoạt trong việc áp dụng các ứng dụng khác để hỗ trợ người học hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Do vậy, kết quả này hoàn toàn là phù hợp.

Phân tích chi tiết về các công cụ/phần mềm được GV sử dụng theo đặc thù môn học, kết quả cho thấy như sau:

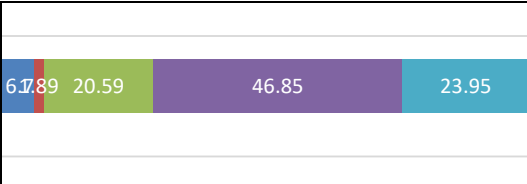
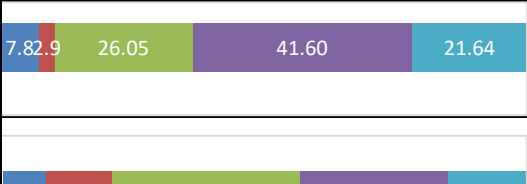
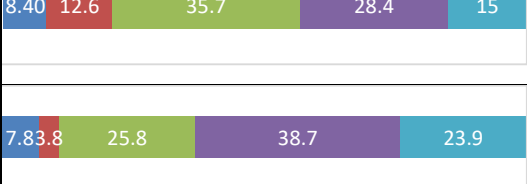
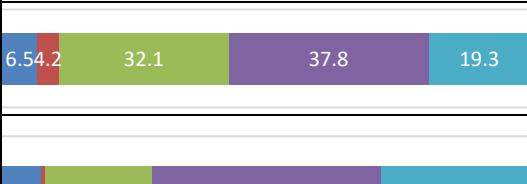
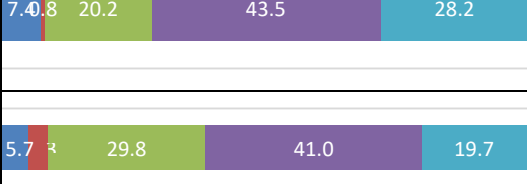
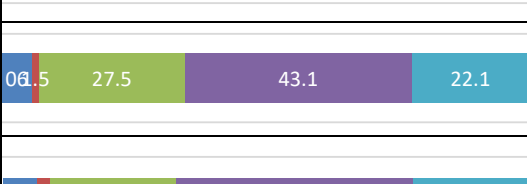
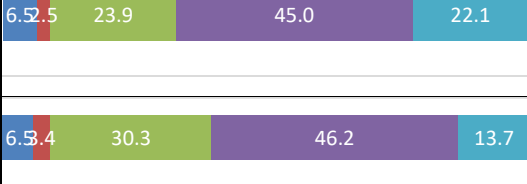
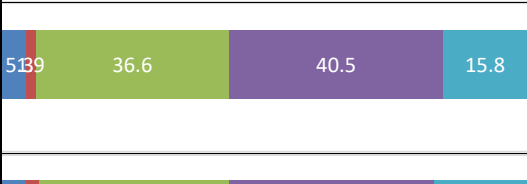
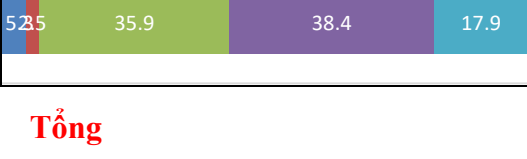
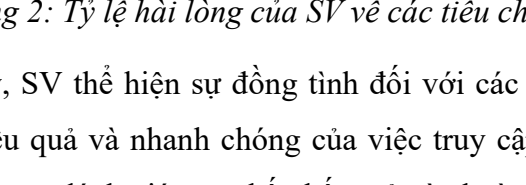
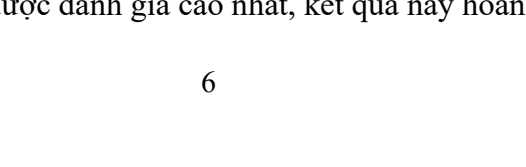
| Công cụ/phần mềm | GV                  |             |                        |                               |               |                                      |                 |                  |                      |                |                |
|------------------|---------------------|-------------|------------------------|-------------------------------|---------------|--------------------------------------|-----------------|------------------|----------------------|----------------|----------------|
|                  | Cáp Phạm Đình Thăng | Đỗ Văn Tiến | Huỳnh Thị Thanh Thương | Lê Đình Duy, Nguyễn Thanh Sơn | Mai Tiến Dũng | Mai Tiến Dũng, Phạm Nguyễn Trường An | Nguyễn Bích Vân | Nguyễn Thanh Sơn | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Nguyễn Thị Quý | Trịnh Quốc Sơn |
| Facebook         | 4                   | 14          | 34                     | 9                             | 9             | 4                                    | 16              | 4                | 0                    | 2              | 1              |
| Zalo             | 9                   | 4           | 19                     | 4                             | 4             | 5                                    | 11              | 2                | 3                    | 1              | 0              |
| Forum            | 4                   | 3           | 27                     | 1                             | 6             | 5                                    | 5               | 5                | 3                    | 4              | 1              |
| Moodle           | 42                  | 18          | 141                    | 10                            | 27            | 15                                   | 53              | 12               | 34                   | 41             | 13             |
| Khác             | 20                  | 9           | 54                     | -                             | -             | -                                    | -               | -                | -                    | -              | -              |

Bảng 2. Các công cụ/phần mềm được Gv sử dụng theo môn học

### 2.2.3 Đánh giá của SV về các tiêu chí trong quá trình dạy - học theo phương pháp Blended learning

Bảng câu hỏi gồm có 14 câu hỏi (tiêu chí) về đề cương, nội dung bài học, hình thức dạy - học, tương tác thầy - trò và tài liệu dạy - học. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ (%) và Điểm trung bình (ĐTB) SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

| Tiêu chí  | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Bình thường | Đồng ý | Rất đồng ý | ĐTB  | ĐLC  |
|---|------------------------|--------------|-------------|--------|------------|------|------|
| Đề cương môn học phân định rõ vai trò của học trực tuyến trong tổng thể môn học | 6.9                    | 2.5          | 41.8        | 36.6   | 12.2       | 3,44 | 0,97 |

|  |  |             |             |
|--|--|-------------|-------------|
| Phương pháp Blended learning thể hiện tính linh hoạt khi có thể hoàn thành bài tập ở bất kỳ đâu/bất kỳ lúc nào |     | 3,79        | 1,04        |
| Việc kết hợp phân chia nội dung dạy trực tiếp tại lớp và trực tuyến hiệu quả                                   |    | 3,66        | 1,08        |
| Tôi thích đặt những câu hỏi trong một diễn đàn trực tuyến hơn là trong cuộc thảo luận trực tiếp trong lớp học. |    | 3,28        | 1,12        |
| Các video hướng dẫn giúp SV học tập chủ động   |    | 3,67        | 1,11        |
| SV nhận được phản hồi nhanh chóng trực tuyến từ GV   |    | 3,59        | 1,05        |
| Tài liệu học tập trực tuyến được truy cập hiệu quả và nhanh chóng hơn so với ngồi trong lớp.                   |   | <b>3,84</b> | 1,07        |
| Nhiều hình thức tương tác hơn so với học tập truyền thống  |  | 3,65        | 1,01        |
| Học tập kết hợp cho phép học sinh tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập.                                    |  | 3,73        | 1,00        |
| Với Blended learning, bạn có thể tự học với tài liệu được cung cấp theo tốc độ tiếp thu của bản thân           |  | 3,73        | 1,03        |
| Bài giảng phù hợp với trình độ SV  |  | 3,57        | 0,98        |
| GV sử dụng hiệu quả các phương tiện, công cụ như tài liệu, kỹ năng và kỹ thuật cần thiết.                      |  | 3,59        | 0,95        |
| Tôi hài lòng với phương pháp Blended learning  |  | 3,61        | 0,98        |
| <b>Tổng</b>  |  | <b>3,63</b> | <b>1,03</b> |

Bảng 2: Tỷ lệ hài lòng của SV về các tiêu chí

Kết quả bảng 2 cho thấy, SV thể hiện sự đồng tình đối với các tiêu chí ở mức khá, trong đó tiêu chí về tính hiệu quả và nhanh chóng của việc truy cập tài liệu trực tuyến (ĐTB = 3.84, ĐLC = 1.07) được đánh giá cao nhất, kết quả này hoàn toàn trùng khớp với

các nghiên cứu về các đặc trưng ưu việt của dạy học trực tuyến nói chung; kể đến là các tiêu chí về tính linh hoạt của phương pháp Blended learning khi có thể hoàn thành bài tập ở bất kỳ đâu/bất kỳ lúc nào (ĐTB = 3.79, ĐLC = 1.04), SV được tham gia nhiều vào quá trình học tập (ĐTB = 3.73, ĐLC = 3.0). Tiêu chí được đánh giá thấp nhất là tiêu chí về việc tham gia trao đổi trực tuyến (ĐTB = 3.28, ĐLC = 1.12) và tiêu chí về đề cương môn học (ĐTB = 3.44, ĐLC = 0.97).

Phương pháp dạy học kết hợp là phương pháp mới được áp dụng tại Trường, đề cương môn học còn đang trong quá trình hoàn thiện, vì vậy còn thể hiện một số hạn chế trong việc trình bày/phân định rõ các nội dung. Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị các Khoa, đơn vị quản lý cần xây dựng kế hoạch, đề cương môn học chi tiết nếu tiếp tục áp dụng hình thức này cho các môn học tại trường nhằm đạt được hiệu quả cao.

#### 2.2.4. Đánh giá của SV về mức độ hữu ích của các yếu tố trong quá trình dạy-học theo phương pháp Blended learning

Do đây là hình thức mới được triển khai tại Trường, do vậy việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc đảm bảo tính hiệu quả cho môn học là vô cùng cần thiết. Mẫu phiếu đã thiết kế các thành phần sau đây để trưng cầu ý kiến của sinh viên, kết quả thể hiện như sau:

| Tiêu chí   | Hoàn toàn không hữu ích | Ít hữu ích | Vừa phải | Hữu ích | Rất hữu ích | ĐTB  | Xếp hạng |
|--|-------------------------|------------|----------|---------|-------------|------|----------|
| Đề cương môn học   | 4.4                     | 9.0        | 30.3     | 34.9    | 21.4        | 3,59 | 7        |
| Tài liệu môn học   | 0.3                     | 23.9       | 41.6     | 29.8    |             | 3,94 | 1        |
| Tài liệu trực tuyến (trình diễn, video và mô phỏng, liên kết đến các trang web có liên quan) | 0.3                     | 30.7       | 36.6     | 27.3    |             | 3,83 | 3        |
| Tương tác trong lớp (ví dụ: câu hỏi, câu trả lời và thảo luận,...)                           | 0.6                     | 31.1       | 33.4     | 26.1    |             | 3,72 | 5        |
| Tương tác trực tuyến (ví dụ: bảng thảo luận, trò chuyện, e-mail)                             | 0.3                     | 27.3       | 37.0     | 31.3    |             | 3,93 | 2        |

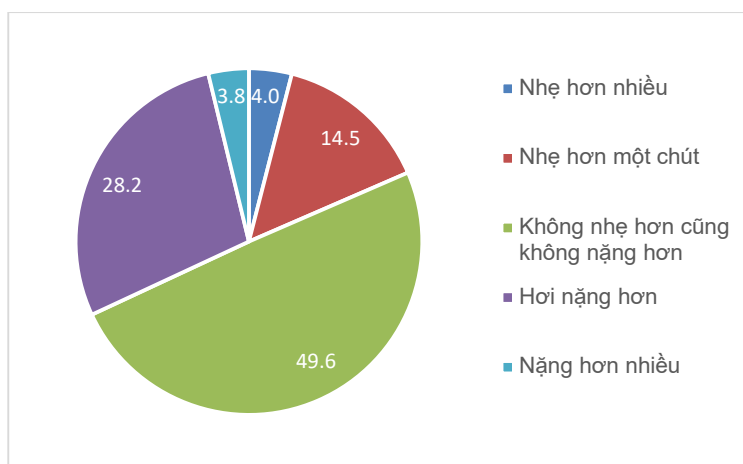


|  |  |      |      |
|--|--|------|------|
| Các bài tập Online quizzes và bài kiểm tra trong lớp |  | 3,76 | 4    |
| Giáo trình   |  | 3,63 | 6    |
| <b>Tổng</b>  |  | 3,77 | 0,96 |

Tất cả các yếu tố đều được SV đánh giá là hữu ích/có ảnh hưởng đến hiệu quả trong quá trình dạy – học theo hình thức Blended learning (ĐTB > 3.5). Yếu tố về tài liệu môn học được đánh giá có ảnh hưởng cao nhất khi GV triển khai dạy học theo hình thức kết hợp, tiếp đến là các yếu tố như tương tác trực tuyến, tài liệu trực tuyến, các bài tập quizzes,... Kết quả này hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu về giảng dạy trực tuyến của Wan Daud & Ghani (2019); Lateh & Raman (2005); Win & Wynn (2015)

### 2.2.5. So sánh hình thức Blended learning so với hình thức truyền thống

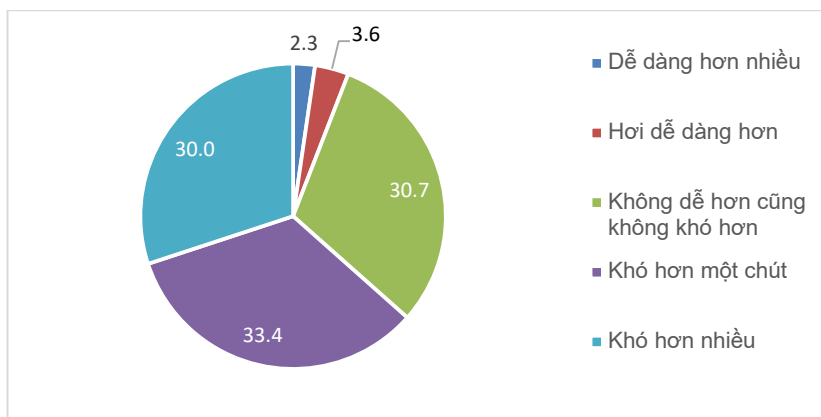
#### ❖ Khối lượng công việc trong môn học



Theo ý kiến đánh giá của đa số SV không có sự khác biệt lớn về khối lượng công việc (học tập) đối với hình thức học kết hợp và dạy học trên lớp thuần túy (tỉ lệ 49.6%). Số lượng SV cho rằng hình thức này làm cho các nhiệm vụ học tập nhiều hơn chiếm tỉ lệ 28.2%. Như vậy, có thể kết luận rằng việc triển khai hình thức dạy học này không tạo ra quá nhiều áp lực cho SV.

Tuy nhiên, khi tìm hiểu chi tiết thông qua các ý kiến góp ý của SV, nhiều bạn cho rằng: “ một số kiến thức còn quá khó hiểu, mơ hồ và cần phải có GV giảng lại khi ở trên lớp”, “Hơi nặng về công việc cần làm hơn”, “gặp khó khăn và mất thời gian rất nhiều trong việc tìm hiểu và giải các bài tập vì nhiều yếu tố như chưa thể được giải thích cặn kẽ và hiểu chưa sâu vấn đề”, “thiếu tương tác”, “dễ gây chán”,...là các nguyên nhân đưa đến tính hiệu quả chưa cao khi SV tham gia học tập theo hình thức này.

#### ❖ Độ khó của môn học



Khảo sát ý kiến của SV về độ khó của môn học khi triển khai theo hình thức Blended learning, đa số các bạn cho rằng khó hơn khi học theo hình thức truyền thống (tỉ lệ 63.4%). Qua phân tích sâu, SV cho rằng độ khó môn học nhiều hơn khi học truyền thống là do các rào cản về mạng Internet, tính tương tác, lỗi ở các phần mềm/công cụ, tâm thế của người dạy và người học chưa sẵn sàng,...nên khó để tiếp thu và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

Phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị Quý Thầy/Cô, đơn vị quản lý cần nghiên cứu để hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất, hệ thống mạng, chất lượng/nội dung video nhằm tạo hứng thú cho người học.

#### 2.2.6. Ưu/nhược điểm của Phương pháp Blended learning

Phiếu khảo sát có ghi nhận những ý kiến của SV về ưu và nhược điểm của phương pháp Blended learning. Nhìn chung các ý kiến khen ngợi đều tập trung vào các tiện ích của loại hình này trong việc hỗ trợ SV tìm kiếm tài liệu, lưu trữ bài giảng, linh hoạt, tiết kiệm thời gian,..... Bên cạnh đó, SV cũng cho thấy Phương pháp này bộc lộ nhiều hạn chế, nổi bật nhất là thiếu tính tương tác, khó kiểm soát tiến độ học tập, gián đoạn do đường truyền làm lỡ các thông tin quan trọng, phương pháp giảng dạy của GV cần thay đổi để phù hợp, thu hút hơn, ....(chi tiết xem phần phụ lục).

### III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

#### 3.1. Kết luận

Phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp cùng Phòng ĐTDH và Quý Thầy/Cô phụ trách môn học đã khảo sát và xử lý kết quả của 22 lớp, với sự tham gia của 476/889 SV đạt tỉ lệ 54.6%. Trong đó:

- Hầu hết tiêu chí khảo sát đều được SV đánh giá khá tốt, có điểm trung bình >3.0 điểm trở lên.
- SV đánh giá về đề cương môn học cần phân định rõ vai trò của học trực tuyến trong tổng thể môn học

- Trên 80% GV sử dụng trang Moodle để dạy học theo phương pháp Blended learning tại Trường.
- 63.4% SV cho rằng môn học khi triển khai theo hình thức Blended learning có độ khó hơn khi học theo hình thức truyền thống.
- Có 168 ý kiến góp ý về hạn chế/nhược điểm của phương pháp này cần được xem xét khi triển khai rộng rãi (phụ lục đính kèm)

### **3.2. Khuyến nghị**

Dựa trên ý kiến của đa số SV, phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị:

- Nhà trường xem xét đưa hình thức giảng dạy Blended learning vào năm I để SV làm quen với phương pháp tự học nhiều hơn;
- Đầu tư bài giảng online sao cho rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp cho đối tượng SV có học lực từ Trung bình trở lên;
- Đảm bảo đường truyền khi triển khai hoạt động dạy – học;
- Tăng cường tương tác trực tiếp hơn với SV để giải đáp thắc mắc;
- Hoạt động khảo sát đã trở thành hoạt động thường xuyên nhằm gián tiếp đánh giá hiệu quả hoạt động dạy – học. Đề nghị GV, đơn vị quản lý nhắc nhở để SV tham gia nhiều hơn nhằm đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị trong thống kê đánh giá;
- Nêu quy định thống nhất trong sử dụng các phần mềm, công cụ bên cạnh Moodle.

**TRƯỞNG PHÒNG  
PHÒNG TT-PC-ĐBCL**

**(Đã ký)**

**Trịnh Thị Mỹ Hiền**

## PHỤ LỤC

### Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ ƯU & NHƯỢC ĐIỂM CỦA PHƯƠNG PHÁP BLENDED LEARNING

| TT | Lớp            | Tên GV              | Ưu điểm   | Nhược điểm  |
|----|----------------|---------------------|---|---|
| 1  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Linh hoạt hơn và mang tính chủ động hơn đối với sinh viên. Giúp sinh viên có nhiều thời gian hơn.                         | Vì học trường CNTT nên hầu hết các sinh viên đều có thiết bị điện tử để đáp ứng nhu cầu học tập. Vì vậy chưa tìm thấy nhược điểm. |
| 2  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Tiếp thu được tốt hơn , không tốn thời gian   | Còn nhiều điều chưa thể trao đổi với sinh viên  |
| 3  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Tiện lợi  | Không tập trung   |
| 4  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | - Chủ động trong việc học hơn<br>- Có thể xem đi xem lại nhiều lần<br>- Phù hợp với những SV không ngại trao đổi trên lớp | - Sẽ có SV không thể chủ động để học<br>- Ít tiếp xúc với GV và bạn bè sẽ sinh ra nhàm chán và buồn ngủ                           |
| 5  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Biết trước nội dung học buổi sau để có sự chuẩn bị tốt hơn.   | Giảng viên có thể chỉ đọc từ trong đó ra không giải thích chi tiết  |

|    |                |                     |   |  |
|----|----------------|---------------------|---|--|
| 6  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Chủ động xem trước bài ở nhà, dễ dàng trao đổi với GV | Đôi khi những phần vượt quá khả năng tiếp thu gây khó khăn trong quá trình đọc và chuẩn bị ở nhà                                     |
| 7  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Tiết kiệm thời gian hơn                               | Chưa phổ biến  |
| 8  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Học tốt hơn   |  |
| 9  | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Ít tốn thời gian viết trên bảng và thuận tiện hơn     |  |
| 10 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Dễ tiếp thu và dễ tiếp cận                            | Tương tác trực tuyến chưa tốt  |
| 11 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | giúp sinh viên tiếp nhận kiến thức tốt hơn            | không biết   |
| 12 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Nhanh lẹ dễ hiểu tiết kiệm nhiều thời gian            | Vài học sinh khó tiếp thu  |
| 13 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Thuận tiện hơn , có thể tiếp thu kiến thức            | Giáo viên sẽ không thể quan sát chính sát được các sinh viên 1 cách trực tiếp hoặc cách thức sinh viên hoàn thành nhiệm vụ được giao |
| 14 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình       | Tiện lợi,hiệu quả cho việc tự học                     |  |

|    |                |                     |  |  |
|----|----------------|---------------------|--|--|
|    |                | Thăng               |  |  |
| 15 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Linh hoạt giờ giảng  | Khó trao đổi với giáo viên   |
| 16 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Thuận tiện và linh hoạt  |  |
| 17 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Có video bài giảng giúp những người không thể đến trường có thể nắm bắt kiến thức và có thể ôn lại được            | Là bài tập không có đảo án và trình bày                            |
| 18 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Thuận tiện, có thể học ở bất kì đâu và bất kì nơi nào. Có thể đặt câu hỏi cho giảng viên bằng hình thức trực tuyến | Khó tiếp thu hơn so với phương pháp truyền thống, dễ mất tập trung |
| 19 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Dễ dàng tiếp cận với tài liệu trực tuyến   | Khó hiểu bài hơn so với phương pháp cũ                             |
| 20 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Rất tốt  |  |
| 21 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Tiện lợi, trực quan  |  |

|    |                |                     |  |  |
|----|----------------|---------------------|--|--|
| 22 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Tương tác với các môn học khác rèn luyện sinh viên tốt hơn   | Môn học nặng   |
| 23 | IT001.L12.MMCL | Cáp Phạm Đình Thăng | Tối ưu việc hiểu bài   | Cần áp dụng thực tiễn hơn lý thuyết  |
| 24 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến         | dễ dàng tiếp cận với kiến thức, chuẩn bị được kỹ càng hơn, hiệu quả trong việc tiếp thu kiến thức và học lại bài cũ. |  |
| 25 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến         | Gần như tài liệu môn học đều được upload lên nên tìm kiếm rất dễ dàng  | Khó trao đổi với giáo viên trong vấn đề giảng dạy và làm bài tập                             |
| 26 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến         | Sinh viên có thể tự học với các tài liệu, bài tập được đăng lên sẵn  | Đòi hỏi Sinh viên phải chủ động.   |
| 27 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến         | có thể tự học và nhớ lâu hơn   | có thể hơi nhanh khiến không kịp tiếp thu nhanh  |
| 28 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến         | Việc học được tiếp thu tốt hơn   | Phải chuẩn bị rất nhiều  |
| 29 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến         | ôn lại kiến thức một cách linh hoạt và dễ tiếp thu hơn.  | vì là kết hợp với cách truyền thống chứ không phải là hoàn toàn nên em chưa thấy nhược điểm. |
| 30 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến         | Sinh viên được nắm bắt được kiến thức nên học trên lớp tiếp thu nhanh hơn  | BT hơi nhiều   |

|    |                |                        |   |  |
|----|----------------|------------------------|---|--|
| 31 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến            | Có thể linh động hơn trong việc học và có thể nhận tài liệu từ giáo viên một cách nhanh chóng   | Các giáo viên không thống nhất một kênh thông báo, người thì thông báo qua face, người thì dùng mail, người lại gửi tin nhắn và có cả thông báo trên app của trường... |
| 32 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến            | Dễ dàng tiếp thu kiến thức  |  |
| 33 | IT001.L11.HTCL | Đỗ Văn Tiến            | Học tập kết hợp cho phép SV tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập, rèn luyện khả năng tự học của SV tốt hơn. Tài liệu học tập trực tuyến có thể được truy cập hiệu quả và nhanh chóng hơn so với phương pháp học truyền thống. |  |
| 34 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Có thể xem lại nhiều lần<br>Có nội dung rõ ràng để biết mình sẽ học cái gì  |  |
| 35 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tốt ạ   |  |
| 36 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ tiếp cận, khả năng linh hoạt   | Tùy thuộc vào từng học sinh  |
| 37 | IT001.L12.HTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Nhanh, tiện, giúp SV nắm chắc bài, nâng cao kỹ năng tìm tòi, khai phá kiến thức.  | Chương trình nặng hơn rất nhiều. Yêu cầu SV phải quản lý chặt chẽ thời gian  |



|    |                |                        |   |   |
|----|----------------|------------------------|---|---|
| 38 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tiện lợi, hiệu quả, khả thi với thời đại công nghệ số   | Có thể tạo xa cách với một số sinh viên vì ngại, rủi ro về máy móc, điện, internet...   |
| 39 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tiết kiệm thời gian<br>Học mọi lúc mọi nơi  | sự tương tác có thể ít hơn  |
| 40 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Học sinh chủ động hơn trong học tập, kích thích sự sáng tạo.  | Đòi hỏi học sinh phải tự học, tự chuẩn bị kiến thức để có thể làm bài.  |
| 41 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Rất tốt   |   |
| 42 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | - Có thể học nhiều nơi khác nhau<br>- Có thể tự học trước   | - Hình thức còn nhàm chán.<br>- Độ hiệu quả chưa cao.   |
| 43 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ truy cập. Tiện lợi hơn nhiều so với cách học truyền thống, có thể tiếp xúc trước nội dung môn học. | Các bài Quiz kiểm tra bài mới chưa được thiết thực lắm. Khi SV xem trước bài tại nhà thì chỉ hiểu đc trên 60%. Có những điểm thắc mắc cần được giảng viên giảng giải thêm. Việc làm Quiz có bao hàm những nội dung đó gây khó khăn cho SV |
| 44 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Có thể học mọi lúc mọi nơi và học được nhiều kiến thức hơn  | đối với các sv không tự giác hay chủ động trong việc học thì rất dễ lơ là   |
| 45 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Sinh viên dễ tiếp cận, tra cứu, trao đổi và có sự chuẩn bị tốt hơn                                    |   |

|    |                |                        |   |  |
|----|----------------|------------------------|---|--|
| 46 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Học dễ vào hơn , kết hợp lí thuyết với thực hành giúp cho môn học không còn chán khi học  | Vì lí thuyết đã được up sẵn trên course và lúc lên lớp sẽ có GV giảng sơ lại hoặc làm bài luận điều này dẫn đến một số người khi đọc lí thuyết trên course vẫn chưa hiểu thì sẽ khó làm bài quiz |
| 47 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Ưu:nâng cao tinh thần tự học  | Nhược:ko có động lực, ko thể tương tác trực tiếp với gv những vấn đề cần tương tác trực tiếp   |
| 48 | IT001.L12.HTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Linh động hơn về các nguồn tài liệu, nội dung học tập   | Các bài Quiz khá khó khi mình tự học trước ở nhà (không hiểu lắm về nội dung) rồi lên lớp sẽ làm bài Quiz liền   |
| 49 | IT001.L12.HTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Thích hợp mọi lúc mọi nơi.  |  |
| 50 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | tiết kiệm thời gian   |  |
| 51 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tốt , nhanh gọn   |  |
| 52 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Có thể học, hỏi, tương tác với giảng viên ở những khoảng thời gian phù hợp với nhu cầu của mỗi sinh viên<br>Có thể lưu lại quá trình học tập của bản thân |  |

|    |                |                        |  |  |
|----|----------------|------------------------|--|--|
| 53 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | tự do hơn trong việc học   | Không tương tác trực tiếp với giáo viên, khi xem video bài giảng có một số chỗ em không hiểu hết ý, khi đến lớp cô phải giảng lại mới rõ ràng hơn. |
| 54 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tốt cho SV   |  |
| 55 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Theo em, ưu điểm nổi bật của phương pháp này là thời gian học tập linh hoạt, không gò bó.        | Theo em, nhược điểm của phương pháp này là yêu cầu tinh thần tự giác là chủ yếu.   |
| 56 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Sinh viên có thể chủ động hơn về bài học.  |  |
| 57 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | có thể biết trước được nội dung để có thể hình dung được nội dung và kiến thức cần phải tiếp thu | một số kiến thức còn quá khó hiểu, mơ hồ và cần phải có GV giảng lại khi ở trên lớp  |
| 58 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Chủ động học tập, nâng cao tự học.   | Không tương tác nhiều.   |
| 59 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Biết trước   |  |

|    |                |                        |  |   |
|----|----------------|------------------------|--|---|
| 60 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Giúp cho sinh viên có thể tiếp cận được bài giảng dù ở bất kì nơi nào dẫn đến việc tiện dụng và linh hoạt trong việc học cũng như tiếp thu kiến thức một cách bao quát nhất. Thêm vào đó phương pháp Blended Learning còn rất hiệu quả trong việc yêu cầu sinh viên tự học để trau dồi kiến thức thêm. | Hơi tốn kém về mặt Internet bởi nếu không có Internet hay 3G 4G thì ta không thể xem bài trước và có thể bị điểm thấp trực tiếp trên lớp và dẫn đến hệ quả lâu dài. |
| 61 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ hiểu  |   |
| 62 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | + Học được mọi nơi, mọi lúc<br>+ Tránh việc ngại giao tiếp   | + Hơi nặng về công việc cần làm hơn   |
| 63 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Linh hoạt, chủ động hơn cho học sinh trong việc học, tăng khả năng tự học...   |   |
| 64 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Ưu điểm của phương pháp này là sinh viên có thể chủ động học trước, khi đến lớp giáo viên có thể giảng chỉ giảng sơ qua thì sinh viên có thể làm bài tập.  | các video bài giảng chưa thật sự đem lại hết hiệu quả, người giảng hầu như chỉ đọc lại các slide  |
| 65 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Linh hoạt thời gian học tập + làm việc   | đòi hỏi học sinh có tính tự học cao   |

|    |                |                        |   |  |
|----|----------------|------------------------|---|--|
| 66 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Việc áp dụng phương pháp giảng dạy Blended learning vào môn học này mang lại hiệu quả học tập cao do sinh viên có thể chủ động hơn trong việc học tập, không còn bị gò bó trong lớp học hay giảng đường. Bên cạnh đó, sinh viên còn có thể tiếp cận được với nhiều nguồn tài liệu hơn trước do có thể tra cứu trên mạng trong lúc học. Cuối cùng, việc áp dụng phương pháp giảng dạy Blended learning là phù hợp với tình hình chung cả nước, khi dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. | Ngoài những ưu điểm kể trên, Blended learning cũng có những nhược điểm cần cải thiện. Việc học tập kết hợp gây cho sinh viên nhiều bất cập trong việc kết nối cũng như giao tiếp, chưa kể đến khả năng kết nối Internet còn tùy thuộc vào môi trường và khả năng riêng của mỗi cá nhân. Việc giám sát sinh viên tham gia lớp học cũng khó khăn do nhiều sinh viên chỉ kết nối với lớp chứ không thực sự học. |
| 67 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | có video thì học bớt khô khan hơn, hiểu hơn là chỉ đọc slide  |  |
| 68 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Nhanh, hiệu quả về thời gian  |  |
| 69 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | học mọi lúc mọi nơi   | không thể hiện được khả năng tương tác của hs  |
| 70 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Có thể chủ động trong việc học tập hơn  | Video bài giảng chưa được chi tiết và dễ hiểu, giống như đọc từ slide sang   |
| 71 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tốt toàn diện   | Tốt  |

|    |                |                        |   |   |
|----|----------------|------------------------|---|---|
| 72 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | giúp tăng khả năng tự học cho sinh viên, sinh viên ý thức, nghiêm túc hơn đối với việc tìm tòi nghiên cứu bài học, từ đó sẽ tập trung hơn đối với bài giảng của giáo viên khi lên lớp | các video cũng như slide bài giảng xem trước em hầu như rất khó hiểu, nhàm chán và lan man, khó tiếp thu hơn nhiều so với nội dung cô truyền tải ở lớp, nên hầu như em không bao giờ hiểu bài sâu khi tự học trước giờ lên lớp. |
| 73 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ hiểu   |   |
| 74 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ hiểu   |   |
| 75 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ dàng ôn lại khi quên kiến thức   |   |
| 76 | IT001.L12.HTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tiện lợi, tiết kiệm thời gian, nhanh chóng dễ tiếp thu bài học  | Có những bất lợi đối với những môn học đòi hỏi tính thực hành nên cần phải tương tác trực tiếp với nhau   |
| 77 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Mang lại hiệu quả cao trong việc tiếp thu kiến thức của sinh viên   | Quá tải về mặt kiến thức  |
| 78 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | tiện ích, tiết kiệm thời gian đi lại  | không tiếp tục trao đổi trực tiếp các thắc mắc 1 cách nhanh chóng   |
| 79 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Giúp cho chất lượng môn học tốt hơn   | Còn quá nhiều chưa thể tiếp thu hết do đây là phương pháp mới   |

|    |                |                        |  |  |
|----|----------------|------------------------|--|--|
| 80 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tiếp cận môn học một cách dễ với nhiều phương tiện, vừa thực hành sau khi tiếp thu kiến thức có thể giúp nhớ lâu và kiến thức ổn định hơn                            |  |
| 81 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | chưa thấy rõ   | chưa thấy rõ   |
| 82 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | có thể xem lại bài giảng khi không hiểu  | dễ phân tâm tư tưởng khi học   |
| 83 | IT001.L12.HTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Ưu điểm của phương pháp này là chúng em có cơ hội làm nhiều bài tập hơn và có thể trao đổi với giáo viên khi ở nhà từ đó tăng khả năng tự học của chúng em rất nhiều | Nhược điểm của phương pháp này là đôi khi chúng em gặp khó khăn và mất thời gian rất nhiều trong việc tìm hiểu và giải các bài tập vì nhiều yếu tố như chưa thể được giải thích cặn kẽ và hiểu chưa sâu vấn đề ạ |
| 84 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Giúp sinh viên tiếp thu nhanh hơn, kiến thức nhớ lâu hơn. Tạo cho sv tính tự giác  | Dễ copy các bài tập của nhau   |
| 85 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Khá hữu ích đối với em, hỗ trợ khá nhiều trong việc tiếp thu kiến thức   | Các bài giảng hơi khô khan   |
| 86 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương |  | Em vẫn chưa có nhiều thông tin về phương pháp này ạ  |

|    |                |                        |  |  |
|----|----------------|------------------------|--|--|
| 87 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Thoải mái trong không gian và thời gian học tập<br>Hạn chế việc kh theo kịp  | Nên đưa đầy đủ và chi tiết các nội dung và bài tập.  |
| 88 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | -Ưu điểm của phương pháp giảng dạy này giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu và ôn tập lại các kiến thức đã học bất kì lúc nào , giáo viên đỡ mất thời gian giảng lại nhiều lần mà vẫn hiệu quả cao. | -Nhược điểm của phương pháp dạy này chính là một số sinh viên dễ ỷ y vào việc có video dẫn đến k chịu đến lớp nghe giảng bài và lười làm bài tập trong suốt quá trình học. |
| 89 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ hiểu  |  |
| 90 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn   |  |
| 91 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | tiếp thu nhanh   |  |
| 92 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | thúc đẩy sự tự giác học tập của học sinh. Có thể dễ dàng trao đổi các vấn đề mình gặp phải với giáo viên. Từ đó tăng nâng suất giảng dạy.  | Sẽ có phần khó khăn cho các bạn bị hạn chế kiến thức về tin học và có phần phụ thuộc vào điều kiện khách quan như wifi v...v   |
| 93 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tăng tính tự học   |  |
| 94 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Khiến tôi cảm thấy tự tin hơn  |  |



|     |                |                        |   |   |
|-----|----------------|------------------------|---|---|
| 95  | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | theo em phương pháp này tiện lợi,có thể học ở bất kì đâu  | sẽ khó khăn với một số bạn khi không có sự giảng dạy trực tiếp              |
| 96  | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | tiện dụng , dễ kiểm soát thời gian học , có thể xem lại kiến thức nhiều lần , dễ ôn tập trước kì thi      | cần tính tự giác cao , dễ lơ là đối với cá nhân thiếu ý thức                |
| 97  | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Phương pháp này có thể giúp cho sinh viên có thể linh hoạt hơn trong học tập kể cả ở nhà và ở giảng đường |   |
| 98  | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Sinh viên có thể nghiên cứu kĩ hơn bài giảng của giáo viên  | Hơi khó nắm bắt   |
| 99  | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tốc độ cập nhật kiến thức nhanh hơn   | Nhược điểm không quá đáng kể  |
| 100 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Sinh viên có thể chủ động tự học với đầy đủ tài liệu mà GV cung cấp.                                      | Tài liệu nhập môn lập trình đơn giản mà bài quiz thì hơi phức tạp hơn tí ạ. |
| 101 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ dàng tiếp cận và tiếp thu kiến thức  | Trao đổi với giáo viên chưa được nhanh và trực tiếp,khó giải thích thắc mắc |
| 102 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tốt hơn   | Bình thường   |

|     |                |                        |   |  |
|-----|----------------|------------------------|---|--|
| 103 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tiện lợi, mọi lúc mọi nơi, nhanh chóng làm quen với kiến thức trước, kịp thời phát sinh ra những luận điểm để thảo luận trực tiếp trong lớp học.      | Còn ít liên kết các website giải thích thuật ngữ, chỉ đảm bảo mức trung bình lượng kiến thức thí sinh tiếp thu sau khi đọc bài giảng. Thỉnh thoảng gặp lỗi với các phần mềm/công cụ. |
| 104 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Dễ tiếp thu kiến thức, được tìm hiểu trước bài học  | Có thể sẽ có người không xem video bài giảng   |
| 105 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Tăng khả năng tự học , giúp sinh viên tiếp thu kiến thức sâu hơn , tốt hơn  |  |
| 106 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương |   | Thời gian trả lời thắc mắc lâu hơn học trực tiếp truyền thông  |
| 107 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Bản thân mình cảm thấy tập trung hơn khi ngồi lại không gian đông người ở trên lớp. Bên cạnh đó sinh viên có cơ hội tương tác với giảng viên tốt hơn. | Đôi lúc việc tiếp thu cũng như hiểu được kiến thức khó khăn hơn một chút vì đã quen với việc được giảng dạy trực tiếp trên lớp.  |
| 108 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Học tập dễ dàng hơn, có thể xem lại mọi lúc mọi nơi.  | Không tương tác trực tiếp được với GV.   |
| 109 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Khá hữu ích   | Khiến cho bài học cung cấp quá nhiều thông tin dẫn đến khó tiếp thu  |

|     |                |                        |  |   |
|-----|----------------|------------------------|--|---|
| 110 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | giúp người học kiểm soát được tốc độ học tập, hiểu hơn về nội dung khóa học.   | cần nhiều hỗ trợ kĩ thuật                               |
| 111 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Việc kết hợp giữa giảng dạy trực tiếp tại lớp và bài giảng được ghi hình trước tăng cường tính hiệu quả của môn học. | Hơi nặng hơn.   |
| 112 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Giúp việc học sinh viên phù hợp với năng lực, thời gian của mỗi người.   |   |
| 113 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Đỡ nhàm chán   |   |
| 114 | IT001.L12.HTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Chủ động học tập, tiếp cận vấn đề nhanh hơn.   | Hạn chế về tương tác giữa các thành viên trong lớp học. |
| 115 | IT001.L11.MMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | dễ tiếp thu  | có những sự gián đoạn không cần thiết                   |
| 116 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Học lúc nào cũng được, dễ tiếp cận, linh hoạt  | Ít tương tác với nhau                                   |
| 117 | IT001.L13.PMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Thể hiện sự linh hoạt  | Ít tương tác với giáo viên, sinh viên                   |
| 118 | IT001.L11.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương | Sinh viên dễ dàng tự học hiệu quả  | Tài liệu trực tuyến khá khô khan                        |

|     |                |                                  |  |   |
|-----|----------------|----------------------------------|--|---|
| 119 | IT001.L12.KHCL | Huỳnh Thị Thanh Thương           | Sinh viên có thể hiểu kỹ hơn về bài học  |   |
| 120 | IT001.L12.TMCL | Huỳnh Thị Thanh Thương           | Bình thường ạ  |   |
| 121 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương           | - Em có thể học bất kì đâu, có thêm nhiều tài liệu tham khảo.  |   |
| 122 | IT001.L13.MTCL | Huỳnh Thị Thanh Thương           | giúp học sinh chủ động hơn trong học tập   | chưa bao quát hết được nội dung bài học                 |
| 123 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn | Giúp sinh viên chủ động hơn, đỡ nhàm chán.   | Cần phải có điều kiện về thiết bị điện tử, Internet,... |
| 124 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn | tốt  |   |
| 125 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn | phù hợp với tình hình dịch bệnh hiện tại   | gặp khó khăn về vấn đề đường truyền                     |
| 126 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn | Thuận tiện cho cả SV và GV trong công tác học tập và truyền đạt kiến thức<br>Nâng cao ý thức tự học của SV | Có thể tạo ra cách biệt trình độ giữa các SV với nhau   |
| 127 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn | Dễ hiểu, dễ dàng đọc thêm ngay cả khi không ở lớp  | Dạy trực tiếp bị giảm nhẹ sự quan trọng                 |

|     |                |  |   |   |
|-----|----------------|--|---|---|
| 128 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn           | Tài liệu dễ tiếp cận  |   |
| 129 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn           | Dễ tương tác, đặt câu hỏi, trực quan.   | Cần phải sáng tạo nhiều   |
| 130 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn           | Học sinh chủ động phải tự giác trong việc học   | những học sinh không chủ động sẽ không theo kịp bài giảng   |
| 131 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn           | giới thiệu ngành  | giải tích   |
| 132 | IT001.L11.KHTN | Lê Đình Duy,<br>Nguyễn Thanh Sơn           | Tương tác thêm sau giờ học trên trường  |   |
| 133 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Sinh viên có thể học tập chủ động ở bất cứ nơi đâu, bất kì thời điểm nào. Có thể chủ động tiếp thu kiến thức không lệ thuộc vào giảng viên.   | Học tập sai cách có thể dẫn đến hiểu sai vấn đề, hỏng kiến thức.  |
| 134 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trương An | Em nêu ra ở đây là với môn Nhập môn Lập trình ạ. Em cảm thấy phương pháp này giúp em dễ dàng tiếp cận, tra cứu và sử dụng các tài liệu, không nhất thiết phải hỏi thầy cô quá nhiều. Thêm nữa là có thể phản hồi và ý kiến sớm về bài tập về nhà với thầy cô. | Em cảm thấy video giảng dạy chưa quá thú vị. Mặt khác, dạy học thế này cũng khó để quản lý được ai đã nắm rõ kiến thức còn ai chưa. |

|     |                |  |  |  |
|-----|----------------|--|--|--|
| 135 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trường An | Xem trước được nên vào lớp làm bài tập típ<br>thu dễ hơn   | Video bài giảng chưa đầy đủ hết và rõ ràng<br>cho sinh viên. Video bài giảng nên chi tiết<br>hơn |
| 136 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | tiếp thu được nhanh lượng lớn kiến thức,<br>giảm được thời gian ghi chép, nắm bắt<br>nhanh, có kế hoạch tốt hơn cho việc học tập | dễ quên, không ăn sâu vào trí nhớ vì nhanh<br>và nhiều thông tin cùng lúc cần tiếp thu           |
| 137 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Dễ hiểu hơn  | Ngại trao đổi với giảng viên   |
| 138 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Em thấy dễ dàng tiếp cận hơn.  | một số video ghi hình sẵn chưa được dễ hiểu<br>cho lắm   |
| 139 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | tiết kiệm thời gian, dễ quản lý  | tiện để học tập nên ko có lý do để lười<br>tăng độ cận cho mắt                                   |
| 140 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | học tập mọi lúc mọi nơi  | em chưa tìm thấy   |
| 141 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Thuận tiện, ít tốn công sức của giảng viên   | Đôi khi có những điều gây khó hiểu cho sinh<br>viên tụi em vì sẽ có bài khó hiểu                 |
| 142 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Khá tiện lợi   | Video giảng trước hơi khó hiểu hơn là nghe<br>giảng trên lớp                                     |
| 143 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trường An | Sinh viên có thể học trước, tăng khả năng tự<br>học.   |  |

|     |                |  |  |  |
|-----|----------------|--|--|--|
| 144 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Tăng khả năng tự học của sinh viên, giúp sinh viên tự chủ về giờ giấc trong học tập  | Phương pháp giảng bài hơi khó tiếp thu   |
| 145 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Có thể học bất cứ mọi lúc, ôn lại bài  | Ít tương tác   |
| 146 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | Sống động hơn  |  |
| 147 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trường An | Chủ động   | Khó tiếp thu   |
| 148 | IT001.L11.CNCL | Mai Tiến Dũng                              | tiết kiệm được thời gian trên lớp để tự học tại nhà khi rảnh, có thể xem đi xem lại hoặc dừng lại ngẫm nghĩ khi khó hiểu rồi hôm sau lên lớp hỏi thêm giảng viên |  |
| 149 | IT001.L12.MTCL | Nguyễn Bích Vân                            | Rèn luyện tính tự học, có thể chuẩn bị bài trước ở nhà, có bài tập về nhà rèn luyện thêm   |  |
| 150 | IT001.L13.CNCL | Nguyễn Bích Vân                            | Bình thường  |  |
| 151 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân                            | Tiện, phòng chống dịch   | Hơi khó hiểu một số môn học  |
| 152 | IT001.L13.CNCL | Nguyễn Bích Vân                            | Các video hướng dẫn, bài giảng được ghi hình trước giúp SV học tập chủ động  | Việc học sẽ phụ thuộc nhiều vào mức độ khoa học của video hướng dẫn và slide bài giảng |

|     |                |                 |  |  |
|-----|----------------|-----------------|--|--|
| 153 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Linh hoạt,tiện lợi, dễ truy cập,dễ sử dụng   | yêu cầu phải có kết nối internet, thời gian hoàn thành bài học bất đồng đều  |
| 154 | IT001.L12.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Tiết kiệm thời gian, có thể học mọi nơi.   | Khó trao đổi thông tin và khó hiểu.  |
| 155 | IT001.L12.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Tiết kiệm thời gian  |  |
| 156 | IT001.L13.CNCL | Nguyễn Bích Vân | Sinh viên chủ động được thời gian trong học tập, lỡ có cúp tiết cũng biết đường mà học | Các bài tập về nhà quá khó so với trên lớp, giống như trên lớp dạy $1+1=2$ về nhà kêu tính tích phân $f(x)$ vậy. em nghĩ nên đổi ngược lại là trên lớp khó về nhà dễ vì dù gì ở lớp cũng có giáo viên chỉ còn về nhà mà khó thì sinh viên rất dễ nản và bỏ làm bài tập |
| 157 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Dễ học, hiệu quả   | Không thể thực hiện được khi kết nối mạng xảy ra sự cố   |
| 158 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Rất là dễ tiếp thu ạ   |  |
| 159 | IT001.L12.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Truyền tải thông tin nhanh gọn   |  |
| 160 | IT001.L12.MTCL | Nguyễn Bích Vân | dễ học, hiệu quả tốt,có thể chủ động trong việc học tập                                | mất mạng thì không có học hành được  |
| 161 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Tiện lợi   |  |
| 162 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Giúp sv học tập hiệu quả hơn   |  |
| 163 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | dễ hiểu, dễ tiếp thu   |  |



|     |                |                 |   |  |
|-----|----------------|-----------------|---|--|
| 164 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Dễ truy xuất tài liệu học tập   | Cần phải có tính tự học cao mới học được.  |
| 165 | IT001.L11.ATCL | Nguyễn Bích Vân | Dạy tiết kiệm thời gian hơn   | Yêu cầu giáo viên có năng lực biết học sinh cần gì khi dạy bằng phương pháp này , học sinh phải chú ý hơn            |
| 166 | IT001.L12.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Rất tốt   |  |
| 167 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | tốt   |  |
| 168 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | Giúp chuẩn bị bài tốt   | Tốn khá nhiều thời gian để chuẩn bị trước  |
| 169 | IT001.L13.CNCL | Nguyễn Bích Vân | Tiện lợi  | Tính tự giác   |
| 170 | IT001.L11.ATCL | Nguyễn Bích Vân | tiện lợi hơn ko gò bó bớt áp lực hiệu quả thời gian kiến thức vững vàng |  |
| 171 | IT001.L11.ATCL | Nguyễn Bích Vân | Rất phù hợp với sinh viên   |  |
| 172 | IT001.L12.MTCL | Nguyễn Bích Vân | dễ học  |  |
| 173 | IT001.L11.MTCL | Nguyễn Bích Vân | chuẩn bị bài và ôn tập dễ dàng hơn                                      | một số môn học nội dung trực tuyến sơ sài hoặc không tốt   |
| 174 | IT001.L11.ATCL | Nguyễn Bích Vân | Sinh viên chủ động tìm hiểu được  | Sự ỷ lại của một số lớn của các sinh viên lười, cứ nghĩ đã có tài liệu sẵn thì cứ dồn bài lại mà học sau => mất gốc. |
| 175 | IT001.L11.ATCL | Nguyễn Bích Vân | Giúp sinh viên chủ động học   | Tương tác chưa hiệu quả  |

|     |                |                      |   |   |
|-----|----------------|----------------------|---|---|
| 176 | IT001.L13.CNCL | Nguyễn Bích Vân      | Tiện Lợi, có thể ôn lại bài giảng khi cần thiết   |   |
| 177 | IT001.L11.ATCL | Nguyễn Bích Vân      | Có thể tự học nhanh nếu không hiểu chỗ nào cứ hỏi giảng viên  | Ít tương tác so với học lớp   |
| 178 | IT001.L13.CNCL | Nguyễn Bích Vân      | biết được nội dung môn học , có thể xem trước tìm hiểu  |   |
| 179 | IT001.L12.CNCL | Nguyễn Thanh Sơn     | Học tập kết hợp cho phép SV tham gia nhiều hơn vào quá trình học tập, rèn luyện khả năng tự học của SV tốt hơn. | lượng kiến thức tiếp thu trong 1 buổi nhiều hơn                                   |
| 180 | IT001.L12.CNCL | Nguyễn Thanh Sơn     | Nắm vững kiến thức hơn  | Phụ thuộc vào bản thân  |
| 181 | IT001.L12.CNCL | Nguyễn Thanh Sơn     | Tiện ích  | Mang lại nhiều kiến thức nhưng tiếp thu ko hiệu quả                               |
| 182 | IT001.L12.CNCL | Nguyễn Thanh Sơn     | Thuận tiện  | Điều kiện thực hiện   |
| 183 | IT001.L12.CNCL | Nguyễn Thanh Sơn     | có nhiều tài liệu để tham khảo  | nhiều bài tập   |
| 184 | IT001.L11.TMCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | có thể xem lại bài học và đọc trước bài.  | slide bài giảng đọc vào chưa hiểu ở nhà mà phải đợi lên lớp nghe giảng trực tiếp. |
| 185 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Dễ tiếp cận kiến thức mới   | Lên lớp sẽ ít chú ý hơn   |
| 186 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Gv và Sv có thể chủ động thời gian phù hợp với từng người hơn   | Âm thanh hơi rè   |

|     |                |                      |  |   |
|-----|----------------|----------------------|--|---|
| 187 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Linh động trong việc giảng dạy và học tập của cả giáo viên lẫn học sinh. Có thể áp dụng trong thời điểm dịch bệnh diễn biến phức tạp.                  | Yêu cầu tinh thần tự giác cao. Không đảm bảo được rằng mọi sinh viên đều chịu tự học theo cách này. |
| 188 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | hiệu quả, tối ưu, tiếp thu dễ dàng   | quá nhiều thứ để chuẩn bị   |
| 189 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Nâng cao tính tự học   | Một số người không thêm xem hoặc quan tâm   |
| 190 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | không có câu trả lời.  |   |
| 191 | IT001.L11.TMCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | có thể tự học hoặc xem lại bài giảng   | phải tìm cách thích ứng và tiếp thu vì đôi lúc tương tác trực tiếp sẽ dễ hiểu hơn                   |
| 192 | IT001.L11.TMCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | học lý thuyết và thực hành trong cùng một ngày giúp không quên những kiến thức đã được học. Giúp thực hành và đảm bảo hiểu những bài đơn giản rất tốt. | đối với lập trình thì phương pháp học này hơi khó cho sinh viên chưa biết gì về lập trình.          |
| 193 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Cũng có kiến thức rất nhiều  | Không tương tác được nhiều  |
| 194 | IT001.L11.TMCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Dễ lưu lại bài học và hình dung bài giảng dễ dàng hơn  | Cần thiết bị  |

|     |                |                      |   |   |
|-----|----------------|----------------------|---|---|
| 195 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Có thể lưu và xem lại các bài giảng, thuận tiện cho việc ôn tập.                                | Việc tương tác với giáo viên không thuận tiện như học trực tiếp   |
| 196 | IT001.L11.TMCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Có thể tự học và cách thức truyền đạt kiến thức dễ dàng hơn phương thức truyền thống            | Nhược điểm thì tôi nghĩ nó sẽ không có nhưng mà sẽ là nhược điểm rất lớn nếu giảng viên ít tương tác với sinh viên thông qua việc trao đổi bài học gián tiếp ( email, zalo,.. ).                                    |
| 197 | IT001.L11.TMCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Sinh viên chủ động tìm tòi nhiều hơn, có thể xem lại bài giảng để củng cố cũng như hiểu sâu hơn | giáo viên khó kiểm soát tiến độ học của từng sinh viên, cụ thể là với những sinh viên chưa ý thức được việc tự học, học đối phó thì phương pháp này rất dễ khiến sinh viên bị mất căn bản, mất gốc, thiếu động lực. |
| 198 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | chủ động hơn  | đôi khi dễ gây buồn chán  |
| 199 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | nhanh chóng   | khối lượng kiến thức nhiều, gây nhồi nhét dẫn đến nhầm lẫn kiến thức sinh viên  |
| 200 | IT001.L12.ATCL | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | Chủ động thời gian, tăng khả năng tự học,   | offline vẫn hiệu quả hơn, khó trao đổi bài với bạn  |
| 201 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý       | Các video hướng dẫn, bài giảng được ghi hình trước giúp SV học tập chủ động                     |   |
| 202 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý       | Nhanh chóng, chủ động   |   |

|     |                |                |   |  |
|-----|----------------|----------------|---|--|
| 203 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Sinh viên học tập chủ động, tự lập, dễ dàng ôn tập kiến thức                              | Thời lượng video đôi khi còn hạn chế   |
| 204 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Buộc sinh viên phải đọc trước tài liệu ở nhà.   |  |
| 205 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Học được mọi nơi mọi lúc  |  |
| 206 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Thúc đẩy sự tự giác của học sinh trong học tập.<br>Học tập kết hợp giúp tăng sự tương tác | Phụ thuộc quá nhiều vào kỹ thuật tốn tài nguyên, bảo mật,...   |
| 207 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | sự thuận tiện linh hoạt cho người học, tăng tương tác giữa các sinh viên và thầy cô       | giảm cơ hội học hỏi từ bạn bè, giảm kỹ năng giao tiếp, giảm nhiệt huyết và say mê khi không có người trực tiếp |
| 208 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Không cần phải đến lớp  |  |
| 209 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | mới, thú vị   | chưa đủ thời gian học  |
| 210 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Nâng cao sự chủ động tìm hiểu<br>Giúp sinh viên nhanh chóng tiếp thu bài                  | Tài liệu đăng lên vẫn còn thiếu một số chỗ.<br>Giáo viên cũng chưa thực sự kịp thời giải đáp thắc mắc.         |
| 211 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Có thể xem đi xem lại nhiều lần<br>Học không bị gò bó thời gian                           | Khó hiểu hơn khi học trực tiếp   |
| 212 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Thuận lợi không cần đến trường.   | Có thể sinh viên sẽ không xem.   |
| 213 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Dễ chủ động học tập hơn và có thể củng cố   |  |

|     |                |                |   |  |
|-----|----------------|----------------|---|--|
|     |                |                | và nắm vững kiến thức hơn   |  |
| 214 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Có thể học bài trước ở nhà  |  |
| 215 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Giúp học sinh có khả năng tư duy phản biện, tính tự giác, học tốt hơn   | Còn nhiều cái khá là mờ nhạt, đôi khi khó giải thích để hiểu được        |
| 216 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | Có tính chủ động hơn trong học tập  | Ảnh hưởng đến kiến thức không thể hỏi thầy cô giáo viên vấn đề trực tiếp |
| 217 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý | thúc đẩy sự tự giác học tập của học sinh. Có thể dễ dàng trao đổi các vấn đề mình gặp phải với giáo viên. Từ đó tăng năng suất giảng dạy. | đôi khi phụ thuộc vào yếu tố khách quan như wifi 4g v..v                 |
| 218 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Dễ và có thể tự học mọi lúc ko cần có giáo viên cũng học đc   | Mắc những thắc mắc chuyên sâu khó mà có thể tự giải quyết đc.            |
| 219 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Hiểu rõ và sâu bài học hơn  | Không đủ thời gian tìm hiểu thêm   |
| 220 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Tiện lợi  | Thiếu tương tác  |
| 221 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Nhanh chóng, dễ hiểu  | Lỗi hệ thống   |
| 222 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | sinh viên có thể tự học và học bất cứ đâu   | chưa có tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên                      |
| 223 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý | Dễ hiểu   |  |

|     |                |  |   |  |
|-----|----------------|--|---|--|
| 224 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý                             | có thể học mọi lúc mọi nơi, thuận tiện hơn về thời gian                                 | không thể tương tác trực tiếp với sinh viên như ở trên lớp học, khó trao đổi khi làm việc nhóm |
| 225 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý                             | Tìm hiểu trước nội dung và những lúc học lại để củng cố kiến thức dễ dàng hơn           | Không được hỏi trực tiếp giáo viên về vấn đề cần được giải đáp, thời gian giải đáp khá lâu     |
| 226 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý                             | Sinh viên có thể nắm được kiến thức cơ bản trước khi lên lớp                            |  |
| 227 | IT001.L12.PMCL | Nguyễn Thị Quý                             | Có tài liệu giúp soạn bài trước dễ dàng hơn cũng như hỗ trợ việc ôn tập cho các kỳ thi. | Học song song với việc giảng dạy trực tiếp không thật sự có nhược điểm.                        |
| 228 | IT001.L13.KHCL | Nguyễn Thị Quý                             | Học mọi lúc mọi nơi   | Ít tương tác giữa mọi người với nhau   |
| 229 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trương An | Em thấy dễ tiếp cận hơn   | Nhiều video bài giảng ghi sẵn chưa được đầy đủ cho lắm   |
| 230 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trương An | dễ sử dụng  | nhANH chóng  |
| 231 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trương An | Có thể tự học trước giúp nắm bắt kiến thức nhanh chóng.                                 | Không có nhược điểm.   |
| 232 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn              | Thuận tiện cho giáo viên  | Dễ gây khó hiểu  |

|     |                |  |   |  |
|-----|----------------|--|---|--|
|     |                | Trường An                                  |   |  |
| 233 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trường An |   | bài giảng chưa sinh động   |
| 234 | IT001.L11.ANTN | Mai Tiến Dũng,<br>Phạm Nguyễn<br>Trường An | tiện lợi  |  |
| 235 | IT001.L11.PMCL | Trịnh Quốc Sơn                             | Có hướng dẫn để sinh viên có thể tìm hiểu trước, tránh việc chậm chạp hiểu bài như phương pháp truyền thống<br><br>Giúp sinh viên tăng khả năng tự học thay vì chờ GV hướng dẫn rồi mới làm | Chưa giải quyết được vấn đề về các Quiz, em là một người học lại NMLT, cảm giác về các quiz không hẳn là trọng tâm<br><br>Chỉ nên cho ví dụ rồi cho biết luồng chạy code như thế nào chứ không phải nên tìm lỗi sai hay phải bắt buộc in ra như thế nào, vì quiz là liên quan tới bài mới, mà để các bạn SV tự học nhiều lúc học sai hay học không kỹ dễ dẫn tới làm quiz không được |
| 236 | IT001.L11.PMCL | Trịnh Quốc Sơn                             |   | Video hơi nhàm chán. Nghe giảng trên lớp vẫn hứng thú hơn.   |
| 237 | IT001.L11.PMCL | Trịnh Quốc Sơn                             | Có đặt những câu hỏi gián tiếp (thông qua diễn đàn, email,..) hơn là trong cuộc thảo luận trực tiếp trong lớp học.  | Khó thay đổi được khối lượng kiến thức môn học.  |



|     |                |                |   |   |
|-----|----------------|----------------|---|---|
| 238 | IT001.L11.PMCL | Trịnh Quốc Sơn | Sinh viên được tiếp cận nội dung bài học, kiến thức trước khi lên lớp -> chủ động | <p>- Hoạt động học tập sẽ trải dài trước - trong khi - sau buổi học trên lớp. Đồng thời, (ở một số môn) các video bài giảng thường không được cung cấp sớm (chỉ 1-2 ngày trước ngày học) nên khối lượng công việc nặng hơn và có phần bị động.</p> <p>- Nếu thiết kế không đúng cách, bài giảng trên lớp sẽ trở nên nhàm chán (vì SV đã được đọc từ trước) và dần dần GV cũng trở nên ít kỹ lưỡng hơn cho những giờ dạy trên lớp.</p> |
| 239 | IT001.L11.PMCL | Trịnh Quốc Sơn | Nhanh, thuận tiện   | Hơi nặng hơn truyền thống   |